TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thúy Nga.

2. Ông Hoàng Văn Đông.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ*** *tham gia phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: tổ 9, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ 3, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2022; bản tự khai ngày 09/8/2022 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện sống C với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2011.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 9 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà cha mẹ ruột để sinh sống, trong thời gian này chị đang mang thai đứa con đầu nhưng anh C không quan tâm, chăm sóc gì cho chị. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh C đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh C nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C.

- Về con C: Chị và anh Trần Văn C có 02 con chung tên là Trần Trung T, sinh ngày 15/6/2013 và Trần Trung H, sinh ngày 19/12/2016. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T, cháu H và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ cung: Chị và anh C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn C: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 188/2022/TB-TLVA ngày 21 tháng 7 năm 2022 cho anh C nhưng không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Trần Văn C không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh C không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

Về con C: Chị C và anh C có 02 con chung tên là Trần Trung T, sinh ngày 15/6/2013 và Trần Trung H, sinh ngày 19/12/2016. Hiện nay, các con chung do chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; các cháu đang phát

triển bình thường, khỏe mạnh, chị C có thu nhập ổn định, đạo đức tốt. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần của các con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu T và cháu H cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Văn C hiện cư trú tại ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Trần Văn C, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn; anh Trần Văn C là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị C và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị C: Chị C xin ly hôn với lý do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Vì thế mà cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất hòa nên vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau và chị C cũng không còn tình cảm với anh C. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị C và anh C thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn C sống với nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị C, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị C và anh C thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã

không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh C không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện anh C không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị C anh C đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Huynh theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị C và anh C có 02 con chung tên là Trần Trung T, sinh ngày 15/6/2013 và Trần Trung H, sinh ngày 19/12/2016. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện 02 con C đang do chị C nuôi dưỡng, các cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh, chị C có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt. Xét thấy việc giao 02 con C là cháu T và cháu H cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo được việc phát triển bình thường của các con C, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa T niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con C và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị C chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C. Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trần Văn C.

2) Về con C: Giao 02 con chung là cháu Trần Trung T, sinh ngày 15/6/2013 và cháu Trần Trung H, sinh ngày 19/12/2016 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị C không yêu cầu.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa T niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con C và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung*:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số 0003694 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị C đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận*:*
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ;
(GCNKH số 408, ngày 21/12/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viển